

Số : 05-26/CB-E.C.C

Hải Phòng, ngày 22 tháng 9 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
ĐẾN (BỔ SUNG TIÊU CHUẨN THÍ NGHIỆM CHO CÁC CHỈ TIÊU ĐÃ CÓ)

Số:
Ngày: 28/9/2026

Chuyên: C.C.G.A

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng

Số và ký hiệu HS:

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 2825/SXD-CCGĐXD ngày 20/03/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng về việc triển khai, công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C công bố chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung cho thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 020099488 đăng ký lần đầu ngày 09/10/2009, đăng ký sửa đổi lần thứ 4 ngày 04/11/2022, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ cũ: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện pháp luật: **VŨ VĂN LỢI** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 094 8886565 Email: vuvanloi36@gmail.com

Mã số thuế: 020099488

Website: <https://eccjsc.com>

1.2. Thông tin Phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM CÔNG TRÌNH

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 730 do Bộ Xây Dựng cấp tại Giấy chứng nhận số 177/GCN-BXD ngày 08/09/2021; Giấy chứng nhận số 236/GCN-BXD ngày 12/08/2022; và Giấy chứng nhận số 13/GCN-SXD ngày 11/11/2025 do Sở xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp; Chứng chỉ công nhận Phòng thử nghiệm chuyên ngành xây dựng VALAS 196 do của Viện công nhận chất lượng Việt Nam ngày 23/12/2025).

Địa chỉ: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

Trưởng phòng: VŨ THỊ THANH THỦY

Điện thoại: 094 5503355

Email: vuvanloi36@gmail.com

2. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tự công bố bổ sung năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các nội dung chính sau:

2.1. Danh mục các tiêu chuẩn thí nghiệm bổ sung

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm (đã có)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (bổ sung)	Máy móc, thiết bị	Cán bộ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thử nghiệm sơn				
1.	Xác định độ mịn	ASTM D1210-05(2022)	Thước đo	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
2.	Xác định thời gian chảy (độ nhớt)	ASTM D1200-23	Phễu chảy, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
3.	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	ASTM D2369-24	Máy ly tâm, cân, giấy lọc...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
4.	Xác định độ phủ	ASTM D2805-11(2023)	Tấm kính, cân phân tích	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
5.	Xác định thời gian khô và độ khô	ASTM D1640/D1640M-14(2022)	Đồng hồ bấm giờ, quả cân...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
6.	Xác định độ bám dính của màng	ASTM D4541-22 (ISO 4624)	Thiết bị kéo, máy mài, bàn chải...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
7.	Xác định độ cứng của màng	ASTM D4366-16(2021)	Con lắc, đồng hồ đếm...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
8.	Xác định độ bóng của màng	ASTM D523-25	Tấm nền, thiết bị đo bóng	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc

9.	Xác định màu sắc	ASTM D2244-25 (đo màu bằng máy) ASTM D1729-16 (so màu bằng mắt thường)	Mẫu chuẩn, tấm sắt	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
10.	Xác định độ bền theo phép thử cắt ô	ASTM D3359-23	Dao cắt, kính lúp	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
11.	Phép thử dao động tắt dần của con lắc	ASTM D4366-16(2021)	Con lắc, đồng hồ đếm...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
12.	Xác định độ bền uốn	ASTM D522/D522M- 17(2021)	Thiết bị thử uốn	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
13.	Xác định độ bền va đập	ASTM D2794-93(2024)	Thiết bị rơi tải trọng, giá đỡ...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
14.	Xác định độ bền kiềm	ASTM D1308-20(2025) (áp dụng thuốc thử kiểm trong danh mục hoá chất thử)	Hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
15.	Xác định khối lượng riêng	ASTM D1475-13(2025) (ISO 2811-1)	Cân kỹ thuật	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
16.	Xác định độ bền nhiệt, nhiệt ẩm của màng sơn	ASTM D2247-25	Chổi quét, kính lúp, giấy thấm	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
17.	Xác định độ bền với chất lỏng	ASTM D1308-20(2025)	Buồng gia nhiệt, kính, giấy lọc	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
18.	Xác định độ thấm nước	ASTM D1653-13(2021)	Dụng cụ thử độ thấm nước, pipet, nước cất	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
19.	Xác định độ dày màng sơn	ASTM E376-19	Dụng cụ đo kiểu răng lược, kiểu bánh xe	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc

20.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	ASTM D2369-24	Bơm, xi lanh, lọ đựng...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
21.	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	ASTM D2369-24	Đĩa phẳng, tủ sấy, cân	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
22.	Xác định độ cứng bút chì	ASTM D3363-22	Bộ bút thử độ cứng	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
23.	Xác định độ nhớt, độ ổn định biến dạng nhiệt	ASTM D562-10(2023)	Nhớt kế	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
24.	Xác định tỷ trọng	ASTM D1475-13(2025)	Cốc đo, cân phân tích	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
25.	Xác định pH	ASTM E70-24	Máy đo pH	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
26.	Xác định khả năng kháng kiềm, kháng acid	ASTM D1308-20(2025)	Cốc đo, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
27.	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: xác định chất tạo màng, phân loại hạt, hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ bền nhiệt, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn, nhiệt độ hóa mềm	AASHTO M249	Thùng chứa, nhiệt kế, tủ hút...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
28.	Sơn epoxy: tính đồng nhất, tính ổn định, độ mịn, thời gian khô, khả năng thi công, bề ngoài màng sơn, độ bóng, độ bền va đập, khả năng chịu kiềm, chịu muối, chịu xăng, hàm lượng chất	- Hàm lượng không bay hơi: ASTM D2369-24 - Độ bền va đập: ASTM D2794-93(2024) - Độ bám dính/uốn: ASTM D4541-22, ASTM D522/D522M-17(2021) - Độ bóng: ASTM D523-25	Tấm thử, cốc, nhiệt kế, tủ sấy...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc

	không bay hơi, độ bền thời tiết	• Chịu kiềm/muối/xăng: ASTM D1308-20(2025) • Độ cứng con lắc: ASTM D4366-16(2021)		
29.	Sơn tường - Sơn nhũ tương: xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn, độ bền nước, độ bền kiềm, độ rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, độ thấm nước	• Trạng thái/độ bền nước: ASTM D870-18 • Độ rửa trôi (scrub resistance): ASTM D4213-20 • Ổn định nhiệt độ thấp (chu kỳ đông-tan): ASTM D2243-20	Tắm thử, cốc, nhiệt kế, tủ sấy...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
30.	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại: xác định độ mất màu, độ tích bụi (sau khi rửa nước), độ thay đổi độ bóng, độ mài mòn, độ rạn nứt, độ đứt gãy, độ phòng rộp, độ tạo vảy và bong nước, độ phân hóa, mức độ phát triển của nấm và tảo	ASTM D1654-24 Kết hợp thêm theo từng chỉ tiêu: rỉ sét ASTM D610-25; phòng rộp ASTM D714; rạn nứt ASTM D660/D661; nấm/tảo ASTM D3274; phân hoá ASTM D4214	Tắm thử, cốc, nhiệt kế, tủ sấy...	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc

2.2. Danh mục máy móc, thiết bị cho các phép thử bổ sung

ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật/ Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
1.	Cân điện tử	Điện tử- Hiện số	Phạm vi đo lớn nhất 600g, d=0.01g	01		Tốt
2.	Cân điện tử	ALC-15A	Phạm vi đo lớn nhất 15kg, d=0.1g	01		Tốt
3.	Tủ sấy	101-2A 101-2	Nhiệt độ vận hành max 300 °C, độ phân giải 1°C	03		Tốt
4.	Đồng hồ so - Đồng hồ đo biến dạng	Điện tử	Phạm vi đo (0-10) mm, d=0.01mm	04		Tốt
5.	Máy đo pH	HI 98107	Phạm vi đo (0.1~14.0)pH, độ phân giải 0.1 pH	01		Tốt
6.	Bộ ống đong các loại		Ống đong thể tích 5ml, 10ml, 25ml 50ml, 100ml, 250ml. 500ml, 1000ml,	20		Tốt

ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật/ Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
			2000ml			
7.	Bình tỷ trọng thể tích 500 và 1000ml			30		Tốt

Ghi chú:

- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định.

2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên cho các phép thử bổ sung

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Ghi chú
1	Đặng Văn Phương	Thí nghiệm viên	Đại học	- Phương pháp xác định tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định tính chất hóa học của vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa – vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm, hiện trường	
2	Quách Minh Ngọc	Thí nghiệm viên	12/12	Thí nghiệm viên chuyên ngành phân tích hóa cho vật liệu xây dựng	

Công ty Cổ phần E.C.C chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
TS. *Từ Văn Lợi*